

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/DS-ST

Ngày: 16/6/2025

V/v T/c Hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tư.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Diễm Huyền

2. Ông Phạm Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2025, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số **66/2025/TLST-DS**, ngày 04/3/2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2025/QĐXXST-DS ngày 13/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2025/QĐST-DS ngày 29/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2025 và lời trình bày của nguyên đơn Trương Thị T tại phiên tòa thì: Bà làm chủ hui, bà Nguyễn Thị O có tham gia 04 dây hui cụ thể như sau:

Dây 1: Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2022 âm lịch, mần ngày 15/4/2024 âm lịch, có 27 phần, bà O tham gia 01 phần để tên O vé số, bà O đóng hui sống được 01 lần, đến lần khai thứ 2 bà O hốt hui ra lời 260.000 đồng, hốt được 18.500.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại số tiền bà O nhận là 18.000.000 đồng. Sau khi hốt bà O đóng hui chết đến lần thứ 4 ngày 15/6/2022 âm lịch thì ngưng đóng. Bà O thiếu hui chết là 23 x 1.000.000 đồng là 23.000.000 đồng.

Dây 2: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2022 âm lịch, mần ngày 15/4/2024 âm lịch, có 27 phần, bà O tham gia 01 phần để tên O vé số, bà O đóng hội sống được 02 lần, đến lần khai thứ 03 bà O hốt hội ra lời 260.000 đồng, hốt được 17.360.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại số tiền bà O nhận là 16.860.000 đồng. Sau khi hốt bà O đóng hội chết đến lần thứ 4 ngày 15/6/2022 âm lịch thì ngưng đóng. Bà O thiếu hội chết là 23 x 1.000.000 đồng là 23.000.000 đồng.

Dây 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/9/2022 âm lịch, mần ngày 15/4/2024 âm lịch, có 27 phần, dây hội có 06 tổ, bà O tham gia tổ 1,2,3,4 mỗi tổ 02 phần; tổ 5,6 mỗi tổ 1 phần, để tên Cô O.

Tổ 1: Phần 1: Bà O đóng hội sống được 01 lần, đến lần khai thứ 02 bà O hốt hội ra lời 260.000 đồng; Phần 2: Bà O đóng hội sống được 07 lần, đến lần khai thứ 08 15/3/2023 âm lịch bà O hốt hội ra lời 290.000 đồng. Sau khi hốt 02 phần hội này xong thì bà O đóng đến lần thứ 09 15/4/2023 âm lịch. Từ lần thứ 10 thì bà O ngưng đóng hội tổng hội chết bà O phải đóng là 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng.

Tổ 2: Phần 1: Bà O đóng hội sống được 01 lần, đến lần khai thứ 02 15/10/2022 bà O hốt hội ra lời 270.000 đồng; Phần 2: Bà O đóng hội sống được 8 lần, đến lần khai thứ 9 ngày 15/4/2023 âm lịch bà O hốt hội ra lời 290.000 đồng. Sau khi hốt 02 phần hội này xong thì bà O đóng đến lần thứ 09 15/4/2023 âm lịch. Từ lần thứ 10 ngày 15/5/2023 âm lịch thì bà O ngưng đóng hội tổng hội chết bà O phải đóng là 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng.

Tổ 3: Phần 1: Bà O đóng hội sống được 01 lần, đến lần khai thứ 02 15/10/2022 bà O hốt hội ra lời 270.000 đồng; Phần 2: Bà O đóng hội sống được 05 lần, đến lần khai thứ 6 ngày 15/2/2023 âm lịch bà O hốt hội ra lời 280.000 đồng. Sau khi hốt 02 phần hội này xong thì bà O đóng đến lần thứ 09 15/4/2023 âm lịch. Từ lần thứ 10 ngày 15/5/2023 âm lịch thì bà O ngưng đóng hội tổng hội chết bà O phải đóng là 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng.

Tổ 4: Phần 1: Bà O đóng hội sống được 01 lần, đến lần khai thứ 02 15/10/2022 bà O hốt hội ra lời 300.000 đồng; Phần 2: Bà O đóng hội sống được 05 lần, đến lần khai thứ 6 ngày 15/2/2023 âm lịch bà O hốt hội ra lời 280.000 đồng. Sau khi hốt 02 phần hội này xong thì bà O đóng đến lần thứ 09 15/4/2023 âm lịch. Từ lần thứ 10 ngày 15/5/2023 âm lịch thì bà O ngưng đóng hội tổng hội chết bà O phải đóng là 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng.

Tổ 5: Bà O đóng hội sống được 02 lần, đến lần khai thứ 07 ngày 15/02/2023 nhuận, bà O hốt hội ra lời 290.000 đồng. Sau khi hốt xong bà O đóng đến lần thứ 09 ngày 15/4/2023 âm lịch. Từ lần thứ 10 ngày 15/5/2023 âm lịch thì bà O ngưng đóng hội tổng hội chết bà O phải đóng là 18 lần x 1.000.000 đồng là 18.000.000 đồng.

Tổ 6: Bà O đóng hội sống được 06 lần, đến lần khai thứ 03 ngày 15/11/2023, bà O hốt hội ra lời 330.000 đồng. Sau khi hốt xong bà O đóng đến lần thứ 09 ngày

15/4/2023 âm lịch. Từ lần thứ 10 ngày 15/5/2023 âm lịch thì bà O ngưng đóng hội tổng hội chết bà O phải đóng là 18 lần x 1.000.000 đồng là 18.000.000 đồng.

+ Dây 4: Hội mùa 03 tháng khui lần 5.000.000 đồng, mờ ngày 15/3/2022 âm lịch, măn ngày 13/3/2025 âm lịch, bà O tham gia 02 phần. Phần 1: Bà O đóng hội sống được 01 lần, đến lần khui thứ 02 15/7/2022 âm lịch bà O hốt hội ra lời 1.700.000 đồng, hốt được 41.300.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng, còn lại số tiền bà O nhận là 38.800.000 đồng. Sau khi hốt bà O đóng hội chết đến lần thứ 05 thì ngưng đóng. Bà O thiếu hội chết là 08 lần x 5.000.000 đồng là 40.000.000 đồng. Phần 2: Bà O đóng hội sống được 03 lần, đến lần khui thứ 4 ngày 15/12/2022 âm lịch bà O hốt hội ra lời 1.800.000 đồng, hốt được 43.800.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng, còn lại số tiền bà O nhận là 41.300.000 đồng. Sau khi hốt bà O đóng hội chết đến lần thứ 05 thì ngưng đóng. Bà O thiếu hội chết là 8 lần x 5.000.000 đồng là 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà O còn phải đóng hội chết lại cho bà là 306.000.000 đồng.

Ngoài ra khoảng tháng 9/2023, bà O có mượn bà số tiền là 19.000.000 đồng để chuộc lại xe để đi bán vé số kiếm tiền đóng hội cho bà, mượn không lãi suất, không có giấy tờ cho đến nay bà O vẫn chưa trả số tiền này cho bà.

Vì vậy, bà Trương Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết buộc bà Nguyễn Thị O có trách nhiệm trả lại bà tổng số tiền là 306.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ sáu triệu đồng*). Đồng thời yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/10/2024 cho đến ngày khởi kiện là: 03 tháng x 0.83% x 306.000.000 đồng = 7.600.000 đồng, ngoài ra yêu cầu lãi suất chậm trả kể từ ngày làm đơn khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm. Yêu cầu bà O trả số tiền vay còn nợ là 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị O trả số tiền vay còn nợ là 19.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi của số tiền này, bà chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định từ ngày bà khởi kiện là ngày 21/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm

- *Bị đơn bà Trương Thị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị O trả số tiền vay còn nợ là 19.000.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị O trả số tiền hui còn nợ là 306.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi của số tiền này, cụ thể bà T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định từ ngày bà khởi kiện là ngày 21/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện là do nguyên đơn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hui.

[3] Về nội dung vụ án bà Trương Thị T cho rằng bà có làm chủ hui, bà Nguyễn Thị O là có tham gia 04 dây hui gồm: Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2022 âm lịch, có 27 phần, bà O tham gia 01 sau khi hót bà O còn nợ lại hui chết là 23 lần với số tiền 23.000.000 đồng; Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2022 âm lịch, có 27 phần, bà O tham gia 01 phần sau khi hót bà O nợ lại hui chết là 23 lần là 23.000.000 đồng; Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/9/2022 âm lịch, có 27 phần, dây hui có 06 tổ, bà O tham gia tổ 1,2,3,4 mỗi tổ 02 phần; tổ 5,6 mỗi tổ 1 phần, sau khi hót, bà O nợ lại tiền hui chết của mỗi tổ như sau: tổ 1 nợ 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng; tổ 2 nợ 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng; tổ 3 nợ 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng; tổ 4 nợ 18 lần x 1.000.000 đồng x 2 phần là 36.000.000 đồng; tổ 5 nợ 18 lần x 1.000.000 đồng là 18.000.000 đồng; nợ 18 lần x 1.000.000 đồng là 18.000.000 đồng. Tổng số tiền còn nợ của dây hui này là 180.000.000 đồng; Hui mùa 03 tháng khui lần 5.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2022 âm lịch, bà O tham gia 02 phần và đã hót cả 02 phần, sau khi hót thì đóng hui chết không đầy đủ, còn nợ lại 8 lần x 5.000.000 đồng x 02 phần là 80.000.000 đồng.

[4] Như vậy, bà T cho rằng tổng cộng các dây hui bà O đã hót và còn nợ lại bà T số tiền hui chết tổng cộng là 306.000.000 đồng.

[5] Qua xác minh người làm chứng được biết bà Nguyễn Thị O có tham gia các dây hui nêu trên và đã hót hui xong. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Việc bà Nguyễn Thị O có tham gia các dây hui do bà Trương Thị T làm chủ hui là sự thật, hợp đồng góp hui giữa nguyên đơn, bị đơn do các bên tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không

trái đạo đức xã hội, khi tham gia giao dịch các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự nên được công nhận là giao dịch hợp pháp. Trong quá trình chơi hụi, hụi viên là bà Nguyễn Thị O là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên về việc tiếp tục góp các phần hụi để các thành viên khác được lĩnh hụi đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hụi trong trường hợp đã lĩnh hụi trước thành viên khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường. Vì vậy, việc bà Trương Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị O trả tiền hụi còn nợ cho bà tổng cộng là 306.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày bà T làm đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 21/02/2025 đến ngày 16/6/2025) với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 306.000.000 đồng $\times 0,83\% \times 3$ tháng 25 ngày = 9.684.900 đồng, tổng cộng vốn lãi là 315.684.900 đồng là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường;

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị O phải có trách nhiệm chịu số tiền án phí là 315.684.900 đồng $\times 5\% = 15.784.245$ đồng.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, 351, 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn Trương Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị O trả số tiền vay còn nợ là 19.000.000 đồng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị O có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị T số tiền hui còn nợ là 306.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày 21/02/2025 đến ngày 16/6/2025 là 9. 684.900 đồng, tổng cộng vốn lãi là 315. 684.900 đồng (ba trăm mười lăm triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trương Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị O còn phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị O phải chịu số tiền án phí là 15.784.245 đồng. Bà Trương Thị T không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Trương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.315.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009627 ngày 04/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Tư

